



GIỚI THIỆU VIETINBANK

6 tháng đầu năm 2020

Nội dung chính

1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng
2. Thông tin chung về VietinBank
3. Điểm nhấn đầu tư
4. Kết quả hoạt động
5. Định hướng hoạt động năm 2020
6. Phụ lục

1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

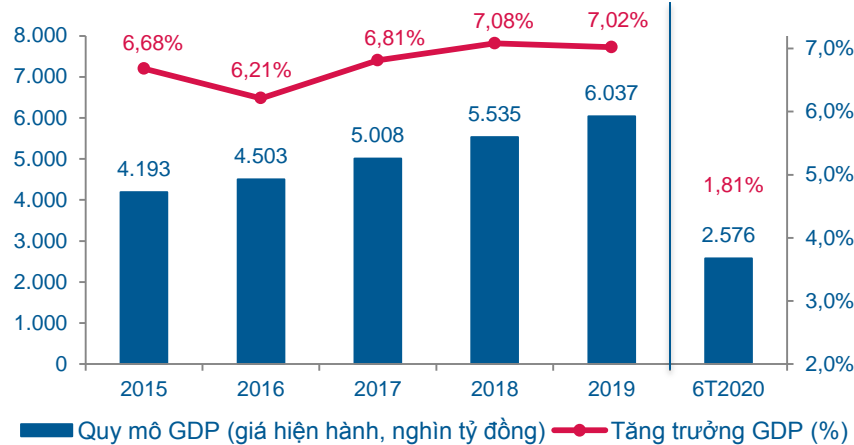
- ❖ Kinh tế vĩ mô
- ❖ Ngành ngân hàng

1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

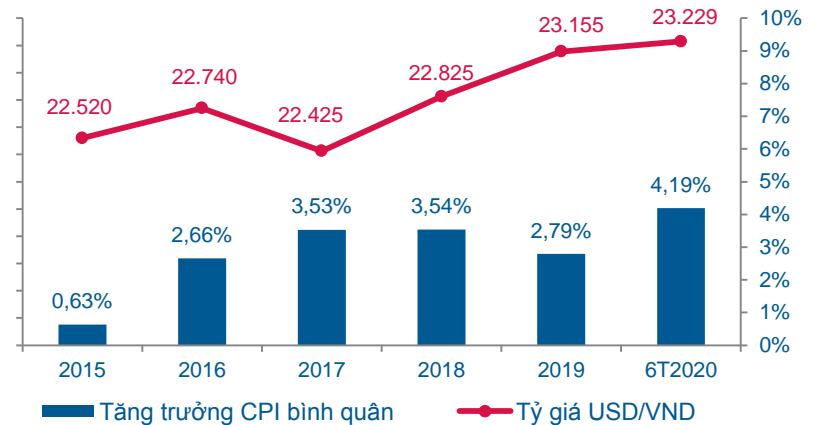
Kinh tế vĩ mô

Mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng do sớm kiểm soát được dịch bệnh nên một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đã có chuyển biến tích cực từ tháng 5/2020, tạo tiền đề hỗ trợ phục hồi nền kinh tế.

Quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP



Tăng trưởng CPI, tỷ giá



Chỉ số	2015	2016	2017	2018	2019	6T2020
Tăng trưởng GDP (%)	6,68%	6,21%	6,81%	7,08%	7,02%	1,81%
Lạm phát (trung bình, %)	2,05%	1,83%	1,41%	1,48%	2,01%	2,81%
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33%	2,30%	2,24%	2,00%	1,98%	2,26%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	162,4	175,9	213,77	244,72	263,45	121,21
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	8,1%	8,6%	21,1%	13,8%	8,1%	-1,1%
Tổng kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	165,6	173,3	211,10	237,51	253,51	117,17
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	12,0%	4,6%	20,8%	11,5%	7,0%	-3,0%
Cán cân thương mại (tỷ USD)	-3,2	2,68	2,7	7,2	9,9	4,0
FDI đăng ký mới (tỷ USD)	15,58	15,2	21,3	17,98	16,7	8,5
FDI thực hiện (tỷ USD)	14,5	15,8	17,5	19,1	20,4	8,65

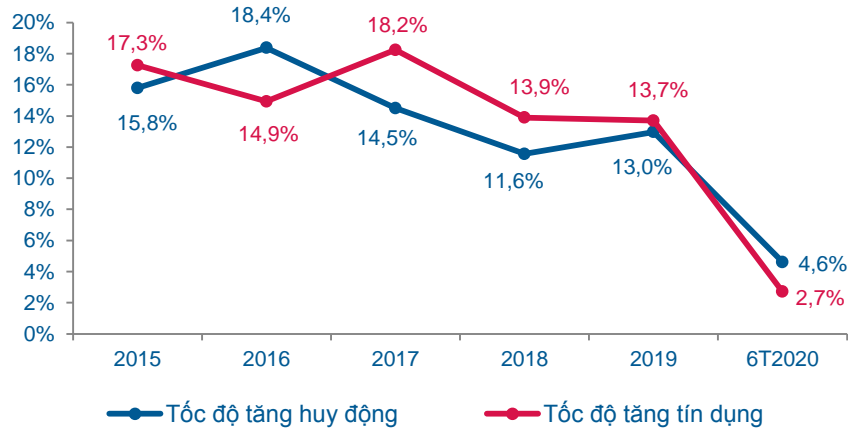
Nguồn: Tổng cục thống kê

1. Tổng quan về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

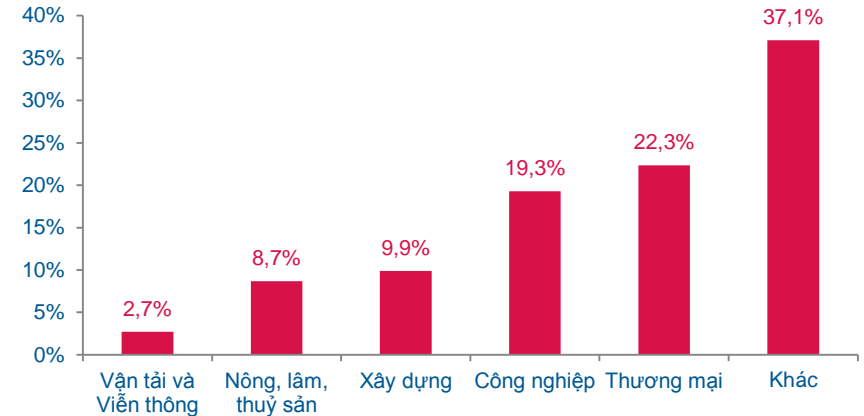
Ngành ngân hàng

Tín dụng tăng trưởng thấp trong bối cảnh nhu cầu tín dụng yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

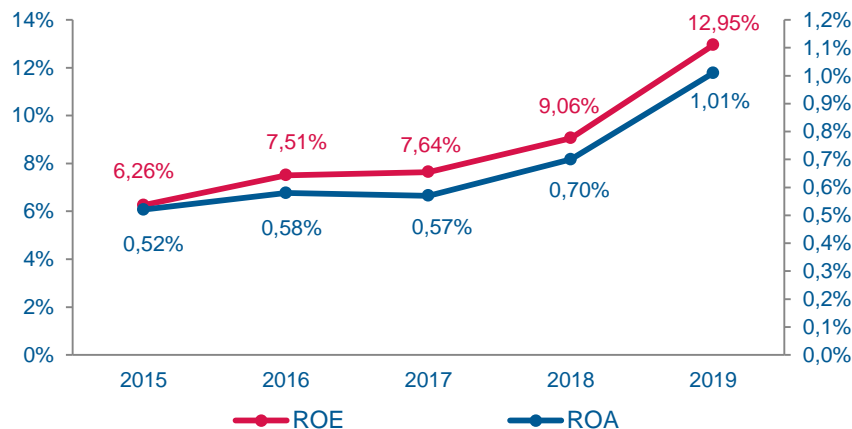
Tăng trưởng dư nợ và nguồn vốn toàn ngành



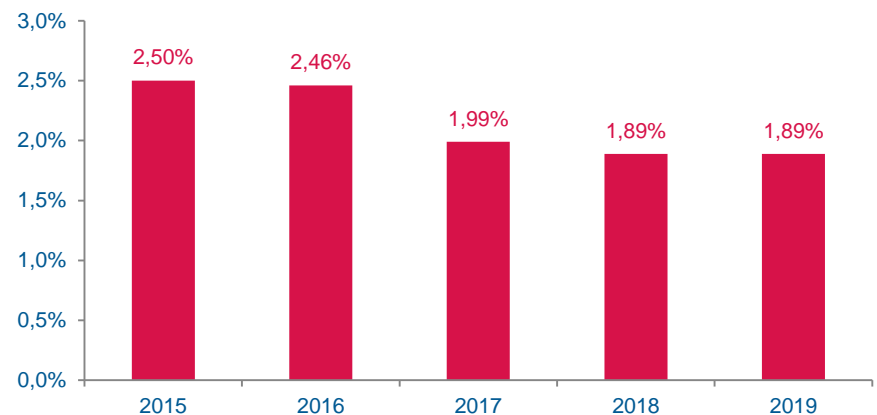
Tỷ trọng tín dụng một số ngành tại tháng 5/2020



Hiệu quả sinh lời toàn ngành (*)



Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành (*)



(*): NHNN chưa cập nhật số liệu 6T2020.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

2. Thông tin chung về VietinBank

- ❖ Các mốc lịch sử quan trọng
- ❖ Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi
- ❖ Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu
- ❖ Cơ cấu tổ chức

2. Thông tin chung về VietinBank

Các mốc lịch sử quan trọng

VietinBank là ngân hàng hàng đầu của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế.



2. Thông tin chung về VietinBank

Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi



Sứ mệnh

Là ngân hàng số 1 của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế.



Tầm nhìn

Trở thành ngân hàng dẫn đầu Việt Nam, ngang tầm khu vực, hiện đại, đa năng, theo chuẩn quốc tế.



Giá trị cốt lõi

- ❖ Hướng đến khách hàng;
- ❖ Hướng đến sự hoàn hảo;
- ❖ Năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, hiện đại;
- ❖ Trung thực, chính trực, minh bạch, đạo đức nghề nghiệp;
- ❖ Sự tôn trọng;
- ❖ Bảo vệ và phát triển thương hiệu;
- ❖ Phát triển bền vững và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

2. Thông tin chung về VietinBank

Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu



TOP 300 THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ NHẤT THẾ GIỚI

Năm 2020, VietinBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất 2 lần liên tiếp vào Top 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới theo công bố của Brand Finance, xếp hạng 277.



TOP 2.000 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Lần thứ 9 liên tiếp VietinBank lọt vào danh sách Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới 2020 do Tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Forbes xác định VietinBank có tài sản đạt 53,5 tỷ USD và giá trị thị trường đạt 3,2 tỷ USD.



DANH HIỆU SAO KHUÊ 2020

Hai sản phẩm của VietinBank đạt Danh hiệu Sao Khuê là VietinBank eFAST và VietinBank iPay Mobile.

VietinBank iPay Mobile vinh dự lần thứ 3 đạt Danh hiệu Sao Khuê và là sản phẩm ngân hàng duy nhất nằm trong Top 10 Sao Khuê 2020. Điều đó đã chứng minh được sự đổi mới và cải tiến với các tính năng vượt trội của VietinBank iPay Mobile.

Lần thứ 2 đạt danh hiệu Sao Khuê, VietinBank eFAST - kênh phân phối dịch vụ ngân hàng cho phép khách hàng doanh nghiệp thực hiện các giao dịch ngân hàng qua mạng Internet đã chứng tỏ nhiều bước tiến mới.



CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG NHIỀU MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2020, VietinBank vinh dự nhận nhiều giải thưởng từ Tạp chí Global Banking & Finance Review: Lần thứ 5 liên tiếp là Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam; Lần thứ 3 liên tiếp là Trung tâm Dịch vụ khách hàng dẫn đầu Việt Nam; Lần thứ 2 liên tiếp là Ngân hàng SME phát triển nhanh nhất Việt Nam.

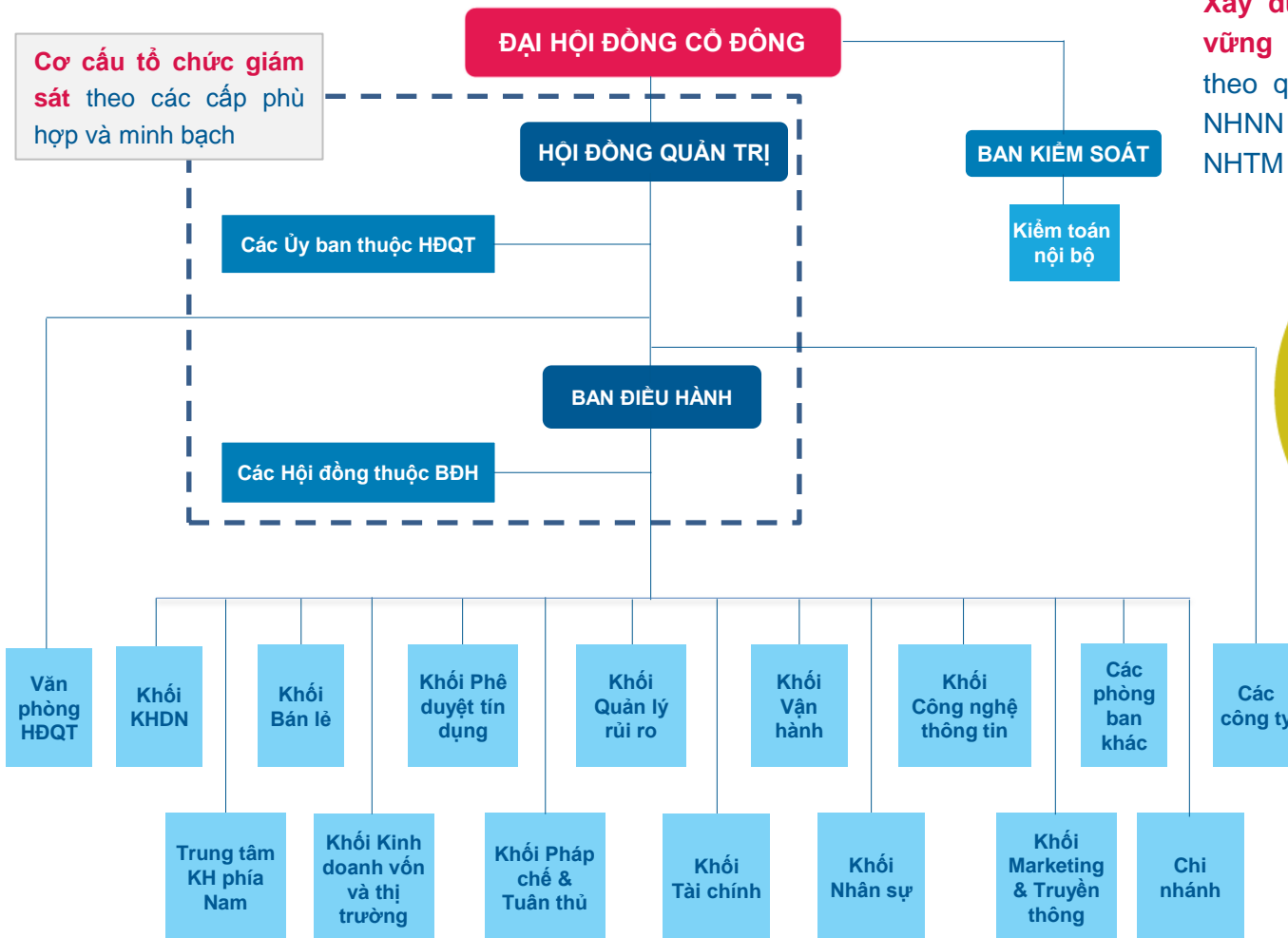


NGÂN HÀNG PHÁT HÀNH TỐT NHẤT KHU VỰC ĐÔNG Á VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

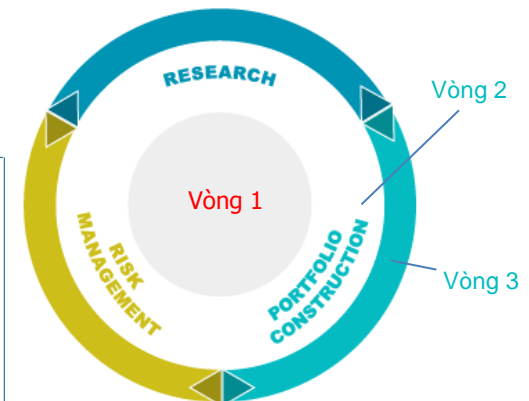
Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) - thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới đã trao giải thưởng “Ngân hàng phát hành tốt nhất khu vực Đông Á và Thái Bình Dương” cho VietinBank. Đây là lần thứ 2 liên tiếp VietinBank nhận được giải thưởng danh giá này từ IFC. Giải thưởng công nhận đóng góp của VietinBank trong Chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu của IFC.

2. Thông tin chung về VietinBank Cơ cấu tổ chức

Mô hình tổ chức tiệm cận với mô hình ưu việt, hiện đại của quốc tế.



Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ vững chắc với 3 tuyến bảo vệ độc lập theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM



Thành lập mô hình khối và trung tâm khách hàng tại các khu vực kinh tế trọng điểm nhằm **chuyên môn hóa** công tác quản trị, điều hành và **thúc đẩy phát triển năng lực hoạt động** theo từng nghiệp vụ, hướng tới việc phục vụ khách hàng tốt hơn

3. Điểm nhấn đầu tư

- ❖ Đổi mới mạnh mẽ, tăng trưởng bền vững
- ❖ Mạng lưới rộng lớn, xếp hạng tín nhiệm cao
- ❖ Sự hỗ trợ tích cực từ cổ đông lớn
- ❖ Nền tảng và giải pháp công nghệ hiện đại
- ❖ Nền tảng khách hàng đa dạng
- ❖ Nhân sự chất lượng cao

3. Điểm nhấn đầu tư

Đổi mới mạnh mẽ, tăng trưởng bền vững

Chiến lược đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao quản trị tài chính và chất lượng nợ đã đem lại kết quả bứt phá trong hoạt động kinh doanh.

1 Đổi mới mô hình tăng trưởng

- ❖ Từ dựa vào quy mô là chính sang cải thiện chất lượng dịch vụ, hiệu quả hoạt động.
- ❖ Duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và ưu tiên tăng trưởng khách hàng bán lẻ và SME.

2 Thay đổi phương thức kinh doanh

- ❖ Từ cung ứng đơn lẻ sản phẩm dịch vụ ngân hàng sang phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính tổng thể cho khách hàng/nhóm khách hàng, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết.

3 Quản trị chi phí hiệu quả

- ❖ Hoạt động quản trị tài chính được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và hiệu quả

4 Quản lý tốt chất lượng tài sản

- ❖ Tăng cường công tác dự báo và nhận diện sớm rủi ro.
- ❖ Quản trị tốt tài sản có rủi ro.

5 Kiện toàn mô hình cơ cấu tổ chức

- ❖ Tinh gọn bộ máy tổ chức, tăng cường chuyên môn hóa và đẩy mạnh phối hợp hiệu quả.
- ❖ Tối ưu hóa hoạt động các đơn vị mạng lưới.

3. Điểm nhấn đầu tư

Mạng lưới rộng lớn, xếp hạng tín nhiệm cao

Trụ sở chính
tại Hà Nội

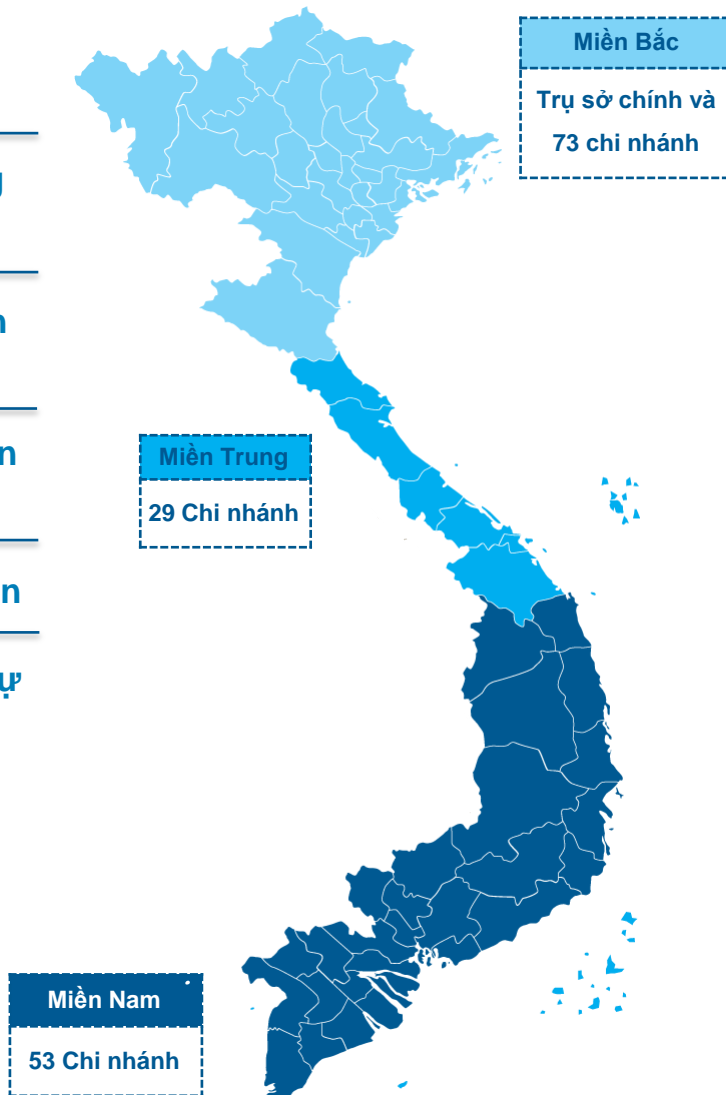
02 Văn phòng
đại diện

155 Chi nhánh
958 PGD

01 Công ty liên
doanh

07 Công ty con

09 Đơn vị sự
nghiệp



Mạng lưới rộng lớn

Mạng lưới trong nước:

- ❖ Trụ sở chính tại Hà Nội
- ❖ 02 Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và TP.HCM
- ❖ 01 Trung tâm khách hàng phía Nam tại TP.HCM
- ❖ 155 Chi nhánh, 958 Phòng giao dịch trải dài khắp các tỉnh, thành trên cả nước
- ❖ 09 Đơn vị sự nghiệp
- ❖ 07 Công ty con (bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý quỹ, quản lý tài sản, vàng bạc đá quý, chuyển tiền toàn cầu)
- ❖ 01 Công ty liên doanh (Ngân hàng Indovina)
- ❖ Trên 2.000 máy ATM và hơn 30 nghìn POS

Mạng lưới quốc tế:

- ❖ 01 Chi nhánh tại Frankfurt, CHLB Đức
- ❖ 01 Chi nhánh tại Berlin, CHLB Đức
- ❖ 01 Ngân hàng con tại Lào
- ❖ 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar

VietinBank có quan hệ đại lý với hơn 1.000 ngân hàng ở trên 90 quốc gia trên thế giới

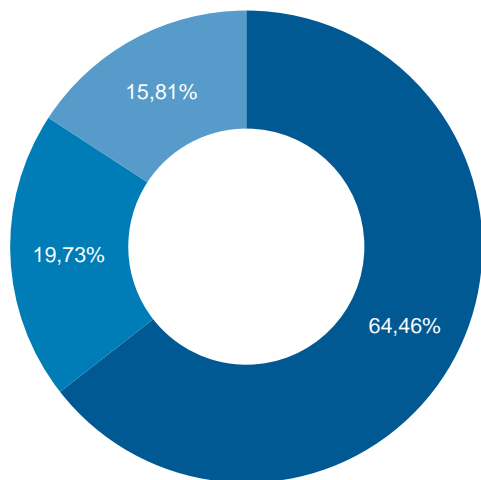
Xếp hạng tín nhiệm cao

	Ngắn hạn	Dài hạn
FitchRatings	B	BB-
MOODY'S	-	Ba3

3. Điểm nhấn đầu tư

Sự hỗ trợ tích cực từ cổ đông lớn

Cơ cấu cổ đông



■ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

■ MUFG

■ Cổ đông khác

Hỗ trợ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn



Ngân hàng Nhà nước



Hỗ trợ

- ❖ Nắm giữ 64,46% cổ phần trong VietinBank
- ❖ Phần lớn các thành viên trong HĐQT được chỉ định bởi Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

- ❖ MUFG ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các lĩnh vực:
 - Dịch vụ ngân hàng bán lẻ và dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - Dịch vụ cho doanh nghiệp FDI
 - Ngân hàng đầu tư
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt và thanh toán
 - Quản lý rủi ro và triển khai BASEL II
 - Công nghệ thông tin
 - Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

3. Điểm nhấn đầu tư

Sở hữu nền tảng và giải pháp công nghệ hiện đại bậc nhất

Hệ thống Corebanking hiện đại bậc nhất Việt Nam và hệ thống công nghệ thông tin ngày càng hoàn thiện giúp nâng cao năng suất, hiệu quả, giảm thiểu chi phí và nâng cao khả năng kiểm soát hoạt động.



Triển khai chiến lược đảm bảo an toàn thông tin tổng thể, kết hợp nhiều phương thức bảo mật khác nhau.



Chủ động bắt kịp xu hướng công nghệ, phối hợp với các công ty công nghệ tài chính (Fintech) cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho khách hàng.



3. Điểm nhấn đầu tư

Nền tảng khách hàng đa dạng với số lượng khách hàng lớn

VietinBank tăng cường hiệu quả phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, tập đoàn, tổng công ty, đồng thời mở rộng quan hệ với khách hàng SMEs, FDI và cá nhân.



PETROLIMEX



3. Điểm nhấn đầu tư Ban Lãnh đạo

Lãnh đạo cấp cao giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
Lê Đức Thọ
Chủ tịch
HĐQT



Ông
Trần Minh Bình
TV HĐQT



Ông
Trần Văn Tàn
TV HĐQT



Bà
Trần Thu
Huyền
TV HĐQT



Ông
Nguyễn Thế
Huân
TV HĐQT



Bà
Phạm Thị
Thanh Hoài
TV HĐQT



Ông
Masahiko Oki
TV HĐQT



Ông
Shiro Honjo
TV HĐQT



Bà
Nguyễn Thị
Bắc
TV Độc lập
HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông
Trần Minh Bình
TGD



Ông
Masahiko Oki
PTGD



Bà
Nguyễn Hồng
Vân
Phó TGD



Bà
Lê Như Hoa
Phó TGD



Ông
Nguyễn Hoàng
Dũng
Phó TGD



Ông
Nguyễn Đức
Thành
Phó TGD



Ông
Trần Công
Quỳnh Lâm
Phó TGD



Ông
Nguyễn Đình
Vinh
Phó TGD



Ông
Nguyễn Hải
Hưng
Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Bà
Lê Anh Hà
Trưởng BKS



Bà
Nguyễn Thị
Anh Thư
TV BKS



Ông
Nguyễn Mạnh
Toàn
TV BKS

4. Kết quả hoạt động

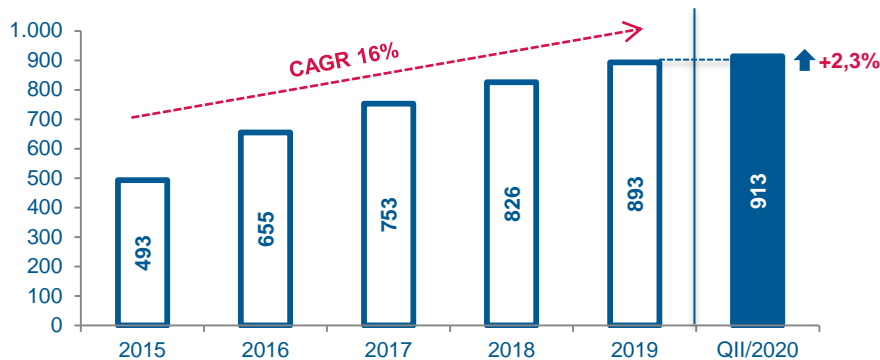
- ❖ Quy mô hoạt động tăng trưởng tích cực hơn từ tháng 5/2020
- ❖ Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
- ❖ Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng
- ❖ Lợi nhuận trước thuế tăng nhờ chiến lược kinh doanh hợp lý
- ❖ Hiệu quả kinh doanh cải thiện tích cực

4. Kết quả hoạt động

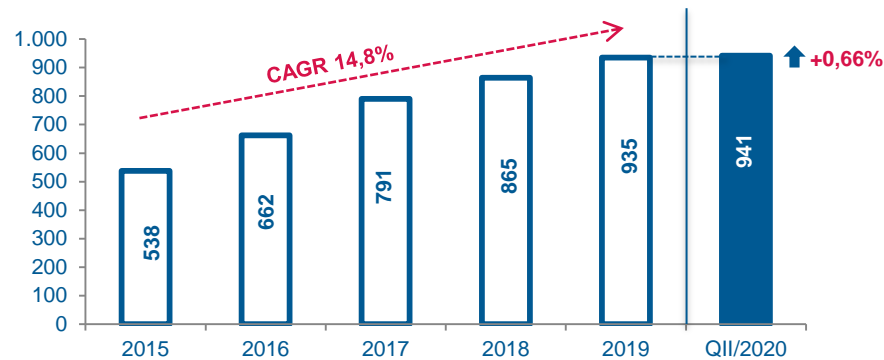
Quy mô hoạt động tăng trưởng tích cực hơn từ tháng 5/2020

Các chỉ tiêu quy mô 6T2020 của VietinBank đều tăng trưởng so các năm trước mặc dù nhu cầu tín dụng của nền kinh tế sụt giảm trước tác động của dịch Covid-19. Các chỉ tiêu quy mô đang tăng trưởng tích cực hơn từ tháng 5 và 6/2020.

Tiền gửi khách hàng (nghìn tỷ đồng)

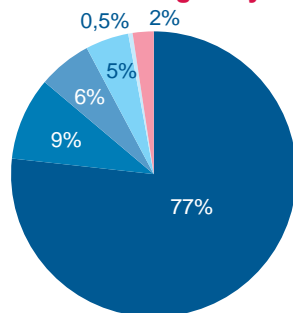


Cho vay khách hàng (nghìn tỷ đồng)

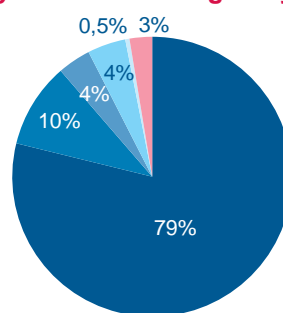


Cơ cấu huy động vốn

Năm 2019: 1.163 nghìn tỷ đồng



Quý II/2020: 1.159 nghìn tỷ đồng



- Tiền gửi khách hàng
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Vay Chính phủ và NHNN
- Phát hành giấy tờ có giá
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Nguồn huy động khác

Thị phần:

- ❖ Tiền gửi tổ chức kinh tế và dân cư (tại 31/05/2020): 10,15%
- ❖ Dự nợ cho vay (tại 30/06/2020): 11,21%

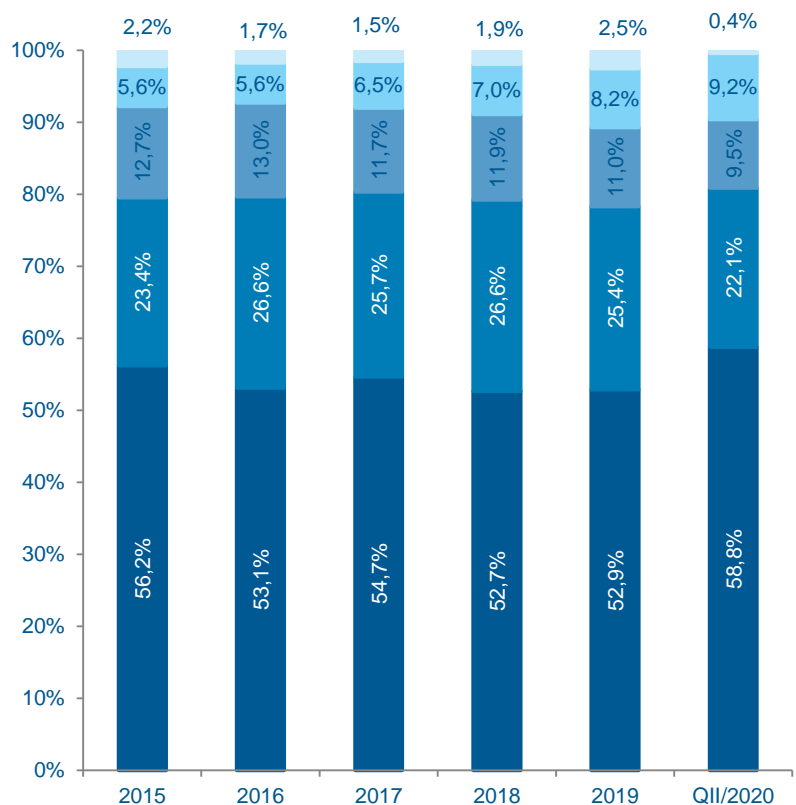
(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, CIC)

4. Kết quả hoạt động

Chuyển dịch cơ cấu tài sản theo đúng định hướng

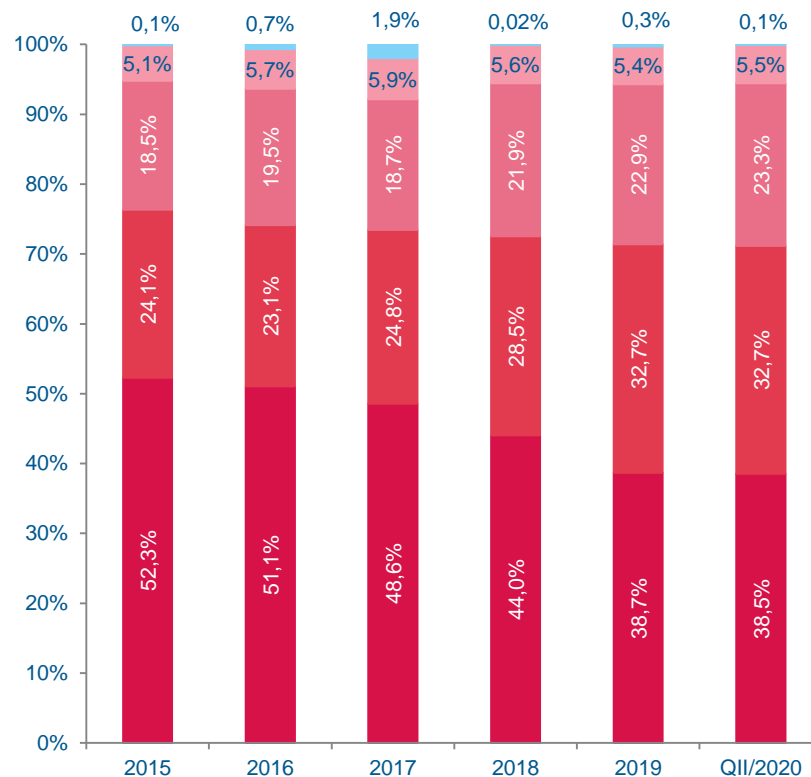
Cơ cấu nguồn vốn có sự chuyển dịch tích cực với tỷ trọng tiền gửi phân khúc khách hàng bán lẻ và khách hàng FDI gia tăng. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cho vay theo hướng tăng tỷ trọng ở các phân khúc có hiệu quả sinh lời cao như bán lẻ và SMEs.

Cơ cấu tiền gửi



Thành phần khác FDI SMEs DN lớn Bán lẻ

Cơ cấu cho vay



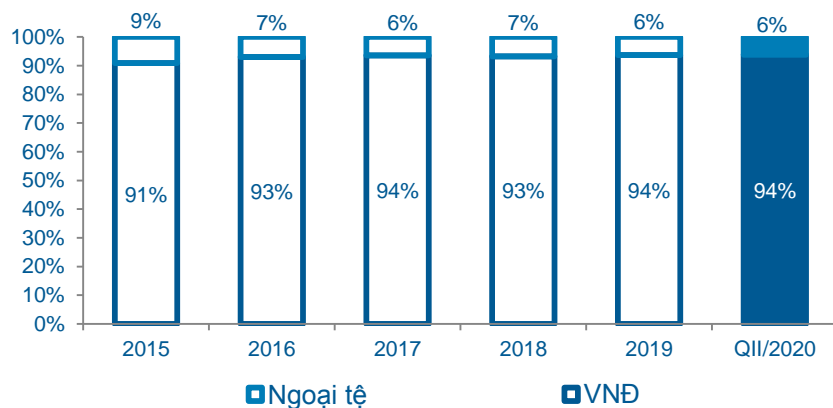
Thành phần khác FDI SME Bán lẻ DN lớn

4. Kết quả hoạt động

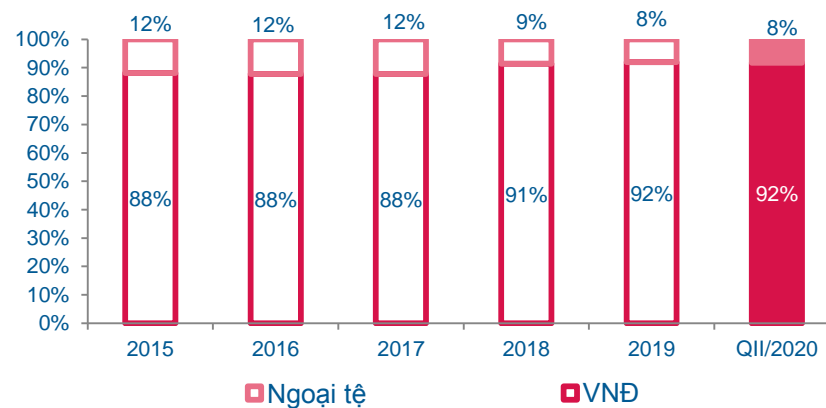
Cơ cấu nguồn vốn huy động ổn định

Chú trọng tăng trưởng nguồn vốn huy động ổn định từ thị trường 1, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế, kiểm soát tốt chi phí vốn, bảo đảm hiệu quả và an toàn thanh khoản.

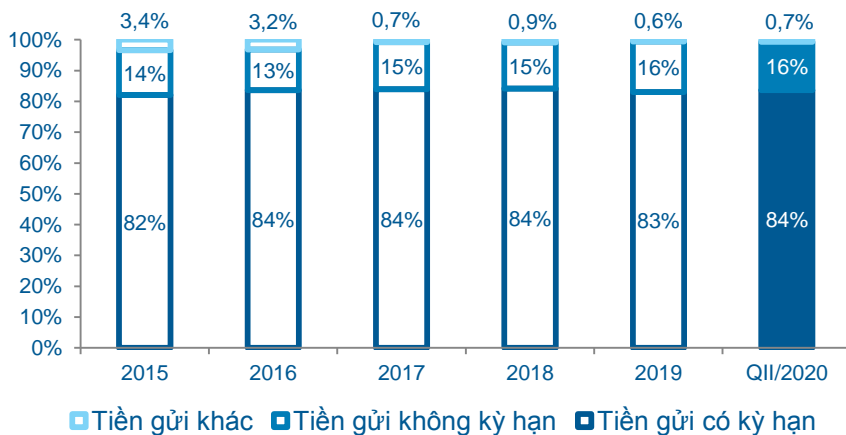
Cơ cấu tiền gửi theo đồng tiền



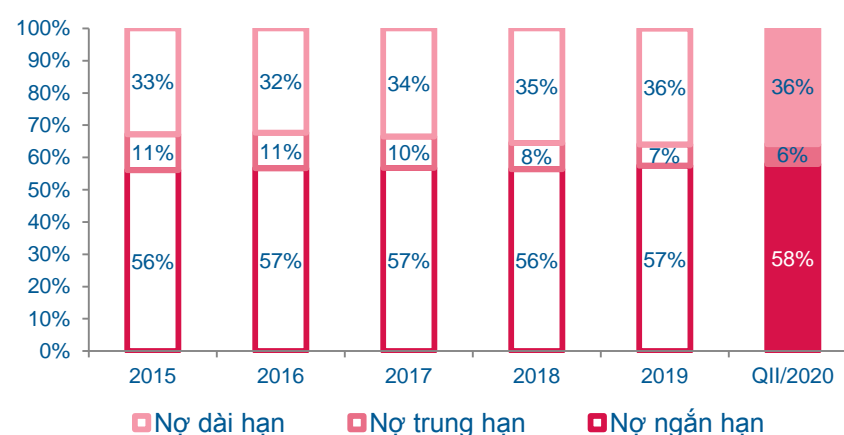
Cơ cấu cho vay theo đồng tiền



Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn



Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn



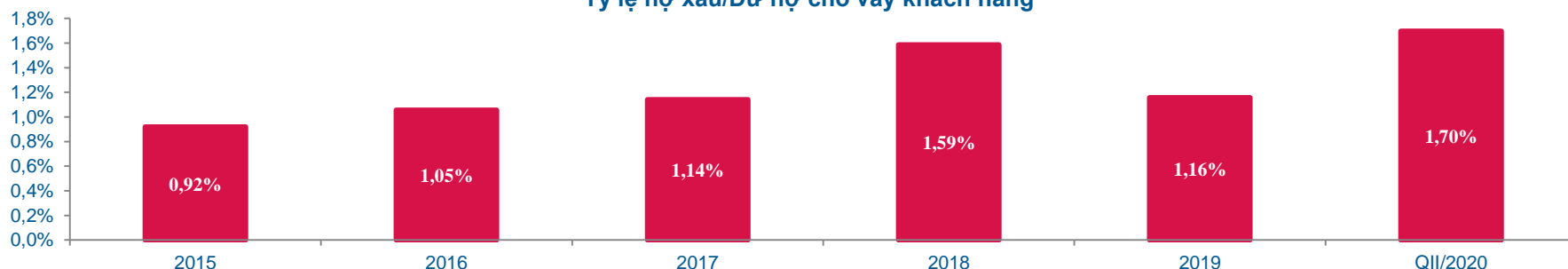
4. Kết quả hoạt động

Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt

Chủ động triển khai đồng bộ nhiều biện pháp để kiểm soát chất lượng danh mục, thu hồi, xử lý nợ xấu, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch. Trong 6 tháng đầu năm 2020, VietinBank đã mua lại thêm trên 6.000 tỷ đồng nợ bán VAMC, nâng tổng giá trị nợ mua lại lên tới gần 6.800 tỷ đồng (chiếm hơn 1/2 mệnh giá ban đầu) sau 1,5 năm từ thời điểm bán nợ; số còn lại VietinBank cũng đã trích dự phòng rủi ro khoảng 50% giá trị khoản nợ còn lại.

Nhóm	2016		2017		2018 điều chỉnh lại		2019		Quý II/2020	
	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
Nhóm 1 <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	648.968	98,03	778.050	98,40	846.022	97,81	918.780	98,24	919.644	97,68
Nhóm 2 <i>Nợ cần chú ý</i>	6.037	0,91	3.627	0,46	5.194	0,60	5.677	0,60	5.876	0,62
Nợ xấu	6.983	1,06	9.011	1,14	13.709	1,59	10.813	1,16	15.968	1,70 ^(*)
Tổng	661.988	100	790.688	100	864.926	100	935.271	100	941.488	100

Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ cho vay khách hàng



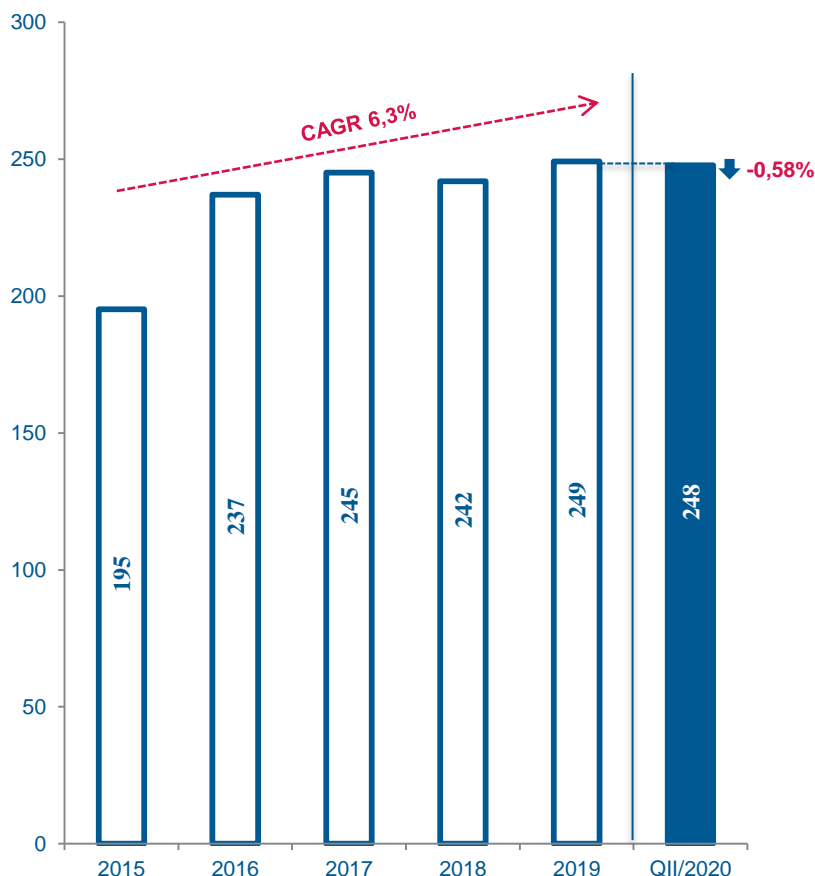
(*): Tỷ lệ nợ xấu cuối Quý II/2020 cải thiện so với Quý I/2020 (1,83%) nhưng vẫn tăng so với cuối năm 2019 (1,16%) do tác động kép của dịch Covid-19 và hạn hán xâm nhập mặn ĐBSCL. Nợ xấu phát sinh ở các ngành bị ảnh hưởng Covid-19 như xây dựng cơ bản, nông lâm thủy sản....

4. Kết quả hoạt động

Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng

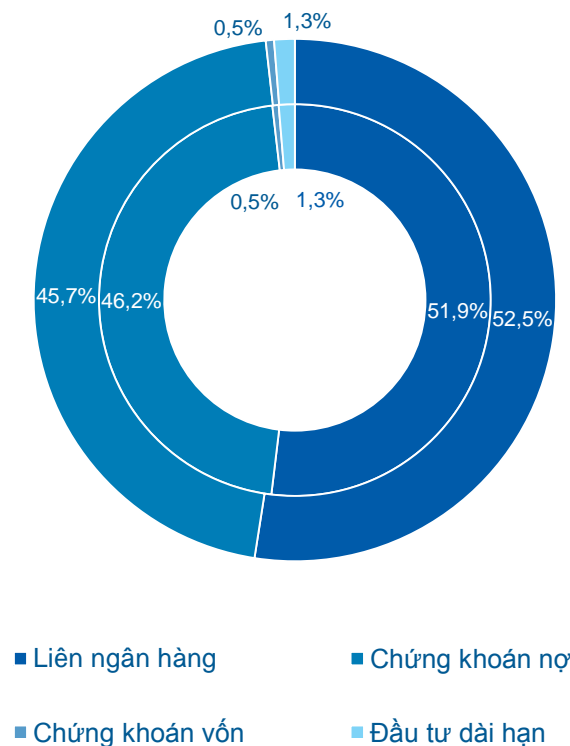
VietinBank đã chủ động đẩy mạnh đầu tư danh mục trái phiếu chính phủ và ghi nhận lợi nhuận tốt (tăng 186% so với cùng kỳ năm 2019).

Tổng danh mục đầu tư
(nghìn tỷ đồng)



Cơ cấu danh mục đầu tư

Vòng trong: Tại 31/12/2019
Vòng ngoài: Tại 30/06/2020

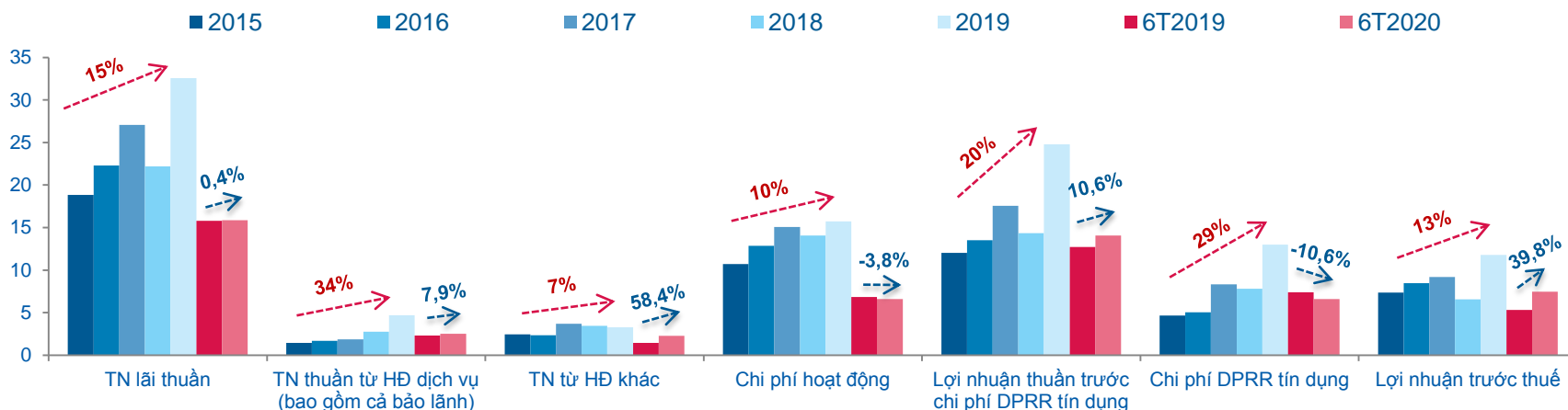


4. Kết quả hoạt động

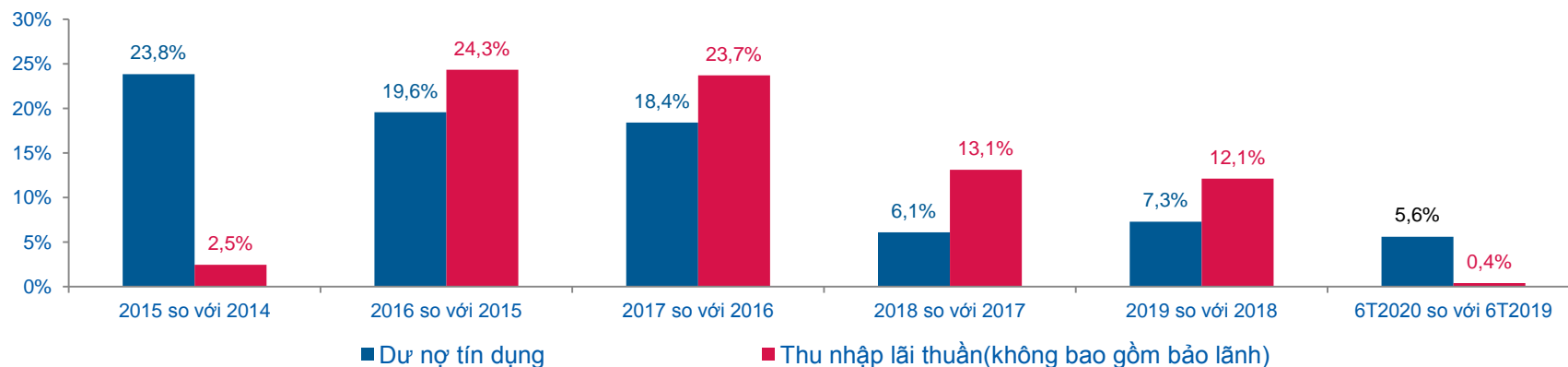
Lợi nhuận trước thuế tăng nhờ chiến lược kinh doanh hợp lý

Lợi nhuận 6T2020 tăng do nguồn thu ngoài lãi tăng mạnh (nhờ chiến lược kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán hợp lý) và tiết giảm chi phí; thu nhập lãi tăng nhẹ do chịu tác động của Covid-19.

Diễn biến thu nhập và chi phí (nghìn tỷ đồng)



Tương quan tăng trưởng thu nhập lãi thuần và quy mô tín dụng

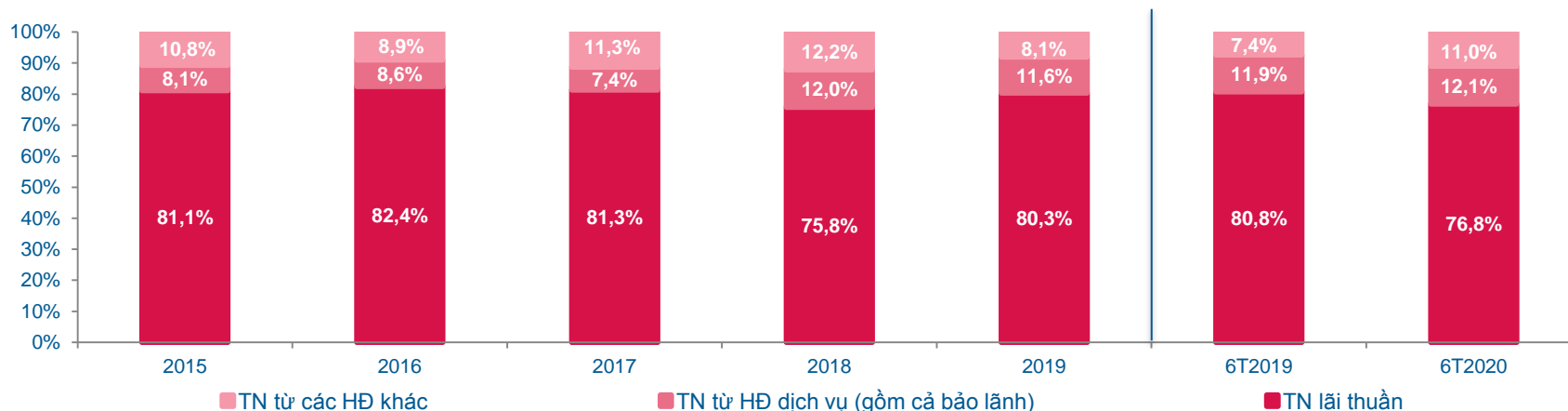


4. Kết quả hoạt động

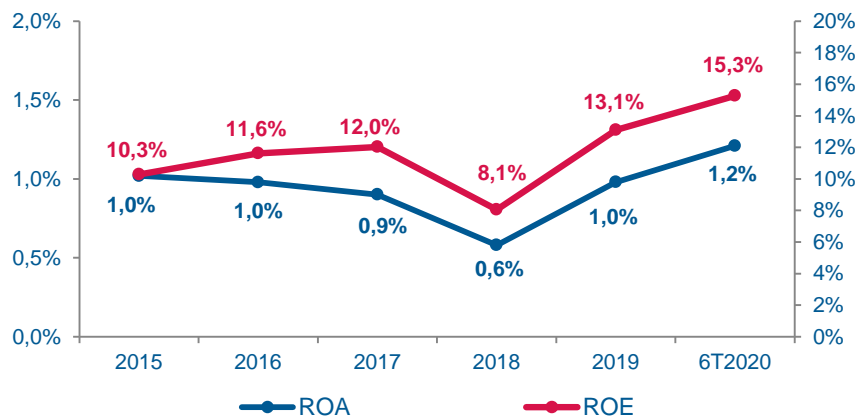
Hiệu quả kinh doanh cải thiện tích cực

Cơ cấu thu nhập từng bước được cải thiện, tỷ trọng thu ngoài lãi tăng. Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt so với cùng kỳ giúp cho chênh lệch thu nhập - chi phí của VietinBank 6 tháng đầu năm 2020 tăng đáng kể so với cùng kỳ 2019.

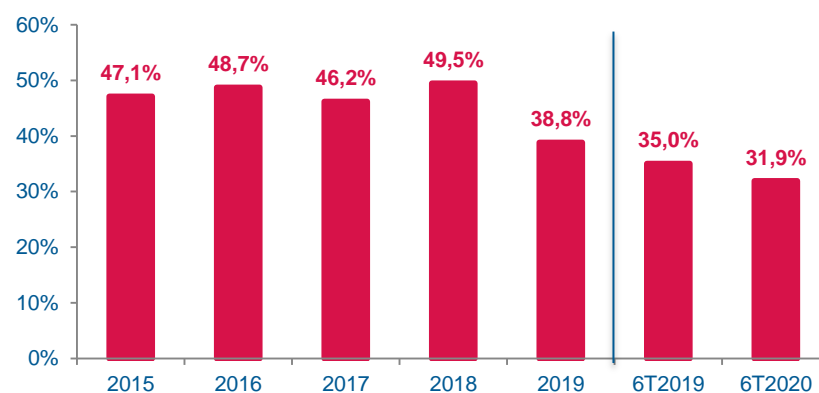
Cơ cấu các khoản thu nhập hoạt động



Hiệu quả sinh lời



Tỷ lệ CIR



Mục tiêu

2020: Nâng cao hiệu quả hoạt động

CHUYỂN ĐỔI MẠNH MẼ MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG

(1) Phát triển quy mô bền vững

(2) Chuyển dịch cơ cấu sang khách hàng bán lẻ và SME

(3) Chuyển dịch cơ cấu thu nhập, tăng thu dịch vụ

(4) Khai thác hiệu quả các ngành, lĩnh vực theo chiến lược phát triển vùng kinh tế

(5) Quản trị tài chính hiệu quả và nâng cao chất lượng tài sản

(6) Chủ động triển khai các biện pháp nâng cao năng lực tài chính

LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM, NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

(1) Phát triển các chuỗi liên kết, cung cấp tổng thể giải pháp dịch vụ tài chính cho khách hàng

(2) Phát triển dịch vụ hiện đại trên nền tảng công nghệ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực thanh toán

(3) Nâng cao chất lượng dịch vụ

PHÁT TRIỂN YẾU TỐ NỀN TẢNG

(1) Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, phát triển cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ vào phát triển kinh doanh, quản trị điều hành, nâng cao an toàn bảo mật

(2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng

(3) Nâng cao năng suất lao động và hiệu quả vận hành. Nâng cao yếu tố tự động hóa trong hoạt động vận hành. Cải tiến, tinh gọn quy trình, chính sách. Giảm thiểu thời gian tác nghiệp, rút ngắn thời gian xử lý giao dịch

(4) Nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới

(5) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, quản trị rủi ro và kiểm tra kiểm soát nội bộ

(6) Phát triển thương hiệu mạnh và nâng cao công tác marketing sản phẩm dịch vụ

6. Phụ lục

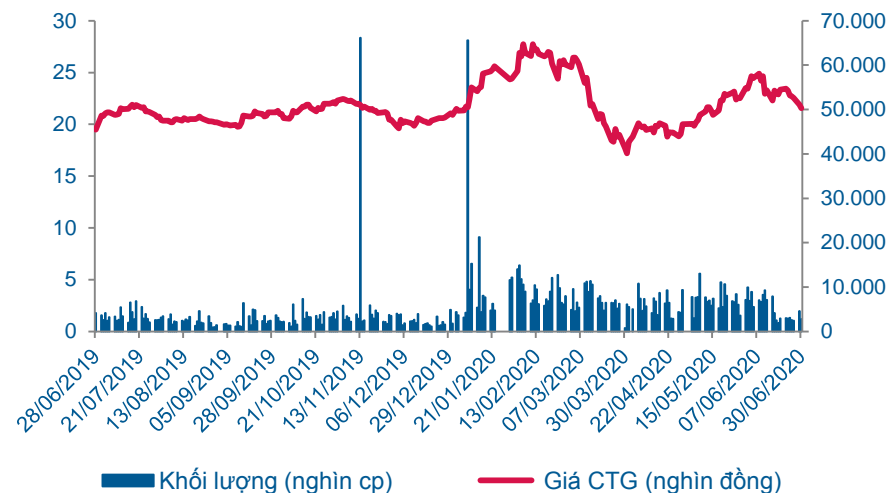
- ❖ Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG
- ❖ Bảng cân đối kế toán
- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ❖ Website Quan hệ Nhà đầu tư

6. Phụ lục

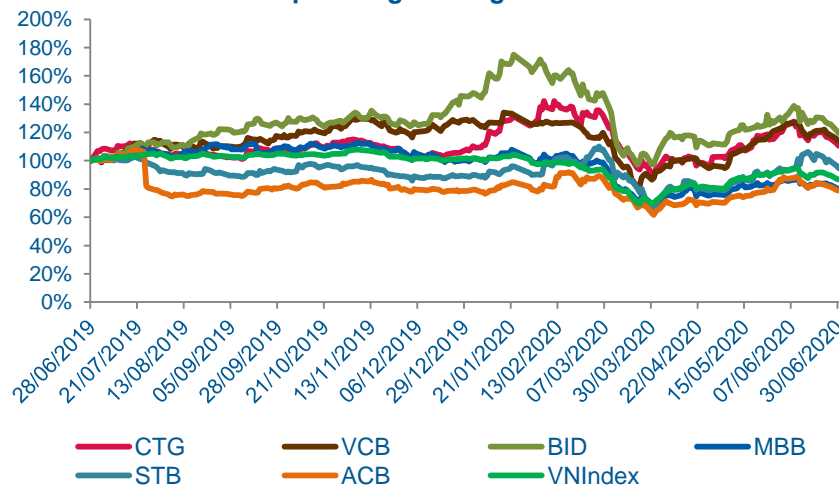
Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG - 6T2020

Chỉ tiêu	Giá trị
Giá phiên giao dịch đầu 6T2020 (02/01/2020)	21.500 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối 6T2020 (30/06/2020)	21.550 đồng/cp
Biến động giá trong 6T2020	27.750 - 17.200 đồng/cp
Khối lượng giao dịch	916.789.974 cp
Giá trị giao dịch	21.050 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	Mua ròng 14.572.513cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	29,87%
EPS	3.233 đồng/cp
P/E (30/06/2020)	6,67x
BVPS	21.760 đồng/cp
P/B (30/06/2020)	0,99x

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG - 6T2020



Tăng trưởng của VN-Index và cổ phiếu ngân hàng - 6T2020



6. Phụ lục

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	QI/2020	QII/2020
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.187	5.980	7.028	8.283	7.358	8.172
Tiền gửi tại NHNN	13.503	20.756	23.182	24.874	25.157	12.878
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	94.469	107.510	130.512	129.389	126.351	130.011
Chứng khoán kinh doanh	1.895	3.529	3.132	3.825	1.063	1.720
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	683	529	281	470	0	461
Cho vay khách hàng	661.988	790.688	864.926	935.271	923.623	941.488
DPRR cho vay khách hàng	(6.899)	(8.303)	(13.060)	(12.946)	(13.079)	(12.924)
Chứng khoán đầu tư	134.227	128.393	102.100	104.615	104.957	108.755
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.203	3.114	3.317	3.283	3.444	3.123
Tài sản cố định	10.624	11.437	11.140	10.997	11.009	10.795
Tài sản có khác	29.689	31.427	31.731	32.651	32.767	35.079
Tổng tài sản có	948.568	1.095.061	1.164.290	1.240.711	1.222.652	1.239.557
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	4.808	15.207	62.600	70.603	64.984	44.380
Tiền gửi và vay các TCTD khác	85.152	115.159	111.400	109.483	91.560	113.722
Tiền gửi của khách hàng	655.060	752.935	825.816	892.785	895.751	913.320
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	0	0	0	0	151	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	6.075	6.364	5.934	5.776	5.812	5.704
Phát hành giấy tờ có giá	23.849	22.502	46.216	57.066	57.066	51.266
Các khoản nợ khác	113.315	119.129	45.007	27.643	28.516	30.145
Tổng nợ phải trả	888.261	1.031.296	1.096.973	1.163.357	1.143.840	1.158.538
Vốn của TCTD	46.209	46.209	46.416	46.725	46.725	46.725
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	6.367	7.476	8.168	9.610	9.606	9.608
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	480	551	600	626	642	544
Lợi nhuận chưa phân phối	6.991	9.234	11.837	19.833	21.288	23.580
Vốn chủ sở hữu	60.307	63.765	67.316	77.355	78.811	81.019
Lợi ích của cổ đông thiểu số	260	295	296	561	552	564
Tổng nguồn vốn	948.568	1.095.061	1.164.290	1.240.711	1.222.652	1.239.557

6. Phụ lục

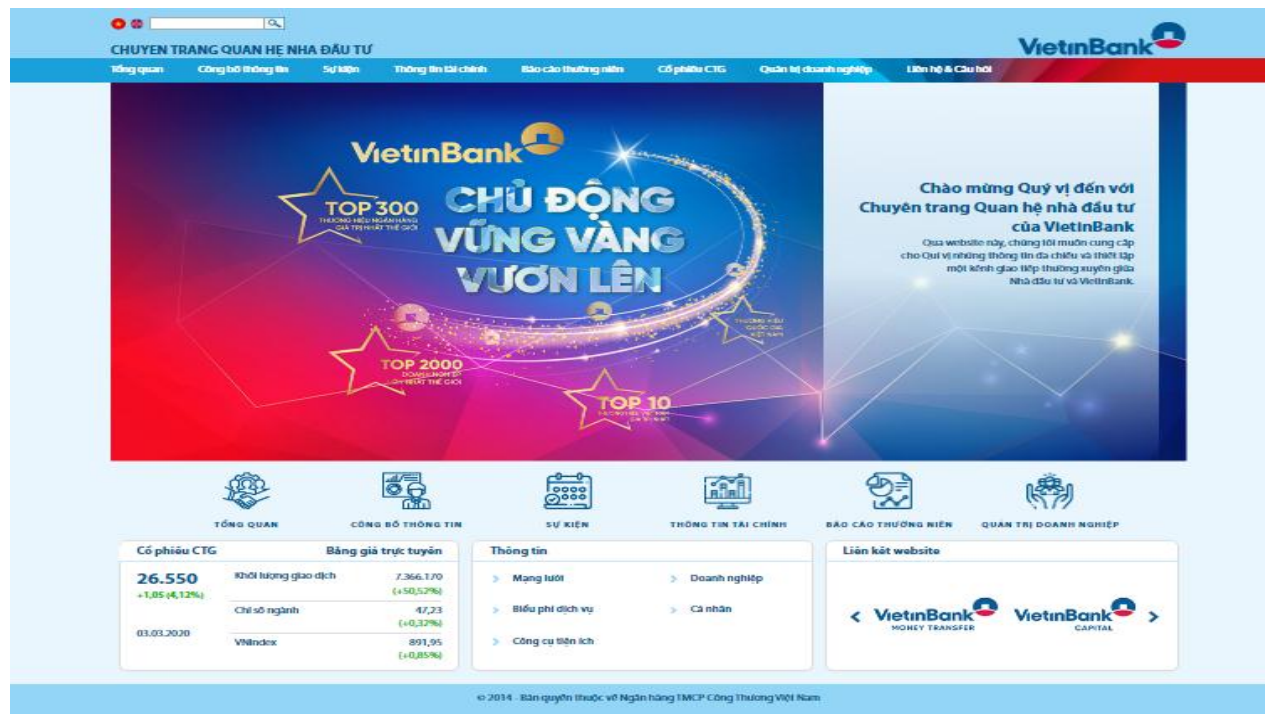
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	6T2020	6T2019
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.890	65.277	73.870	82.743	41.864	39.955
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(30.586)	(38.204)	(51.658)	(49.544)	(25.648)	(23.778)
Thu nhập lãi thuần	22.304	27.073	22.212	33.199	16.216	16.177
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.334	4.302	5.964	7.888	3.872	3.642
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.636)	(2.447)	(3.193)	(3.833)	(1.711)	(1.686)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.698	1.855	2.771	4.055	2.162	1.955
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	685	710	710	1.564	1.037	787
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	184	325	271	366	389	136
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	41	(81)	218	(791)	135	(243)
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	1.299	1.995	1.889	1.497	470	345
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	150	743	374	628	250	415
Thu nhập ngoài lãi	4.057	5.547	6.234	7.320	4.443	3.395
Tổng thu nhập	26.361	32.620	28.446	40.519	20.659	19.572
Chi phí hoạt động	(12.849)	(15.070)	(14.084)	(15.735)	(6.599)	(6.857)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	13.512	17.550	14.361	24.785	14.060	12.715
Chi phí DPRR tín dụng	(5.059)	(8.344)	(7.803)	(13.004)	(6.600)	(7.380)
Tổng lợi nhuận trước thuế	8.454	9.206	6.559	11.781	7.460	5.335
Chi phí thuế TNDN	(1.688)	(1.747)	(1.281)	(2.304)	(1.445)	(1.028)
Lợi nhuận sau thuế	6.765	7.459	5.277	9.477	6.015	4.307
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(20)	(27)	(2)	(16)	(29)	(12)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	6.745	7.432	5.275	9.461	5.986	4.295

6. Phụ lục

Website Quan hệ Nhà đầu tư

<http://investor.vietinbank.vn>



Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông - Văn phòng HĐQT

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: investor@vietinbank.vn

Điện thoại: 84.24.39413622

Trân trọng cảm ơn!

Tuyên bố trách nhiệm:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.